

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ HÀN QUỐC

**ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 3, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	NÓI – VIẾT 4B		
Mã học phần:	71KLAN30222	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	71K28NNHQ01, 71K28NNHQ04, 71K28NNHQ03, 71K28NNHQ02		
Hình thức thi: <b>Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TUL\_De 1

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TUL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO 1</b>	<b>Áp dụng</b> kiến thức tiếng Hàn hiệu quả vào việc nói và viết tiếng Hàn có trình độ tương đương TOPIK 4 kì thi năng lực tiếng Hàn của Bộ giáo dục Hàn Quốc	Tự luận	60%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,8		P.I 2.1
<b>CLO 2</b>	<b>Sử dụng</b> hiệu quả phần mềm soạn thảo văn bản bằng tiếng Hàn phục vụ cho việc hoàn thành văn bản nói và viết liên quan ở trình độ sơ Trung cấp	Tự luận	40%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,8		P.I 4.1

## III. Nội dung câu hỏi thi

### A. PHẦN VIẾT (총 5 점)

**CÂU 1. 다음 문장을 한국어로 번역해 보세요. (각 0.5 점, 총 1 점)**

- 1) Vì phải viết báo cáo mà tôi đã không ngủ được ba đêm rồi
- 2) Có phải ý anh nói là tôi có thể bán được món đồ đã dùng của mình không?

**CÂU 2. 끝말잇기로 빈칸을 채워 보세요(각, 0.2 점, 총 1 점)**

끝말잇기	기사	(1) 사 _____	(2) _____	(3) _____	(4) _____	(5) _____
------	----	-------------	-----------	-----------	-----------	-----------

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)

**CÂU 3. 주어진 문장을 연결하여 글을 완성하세요. (각 0.3 점, 총 1.5 점)**

- (1) 부탁을 하다 / (으)ㄹ 때에는 / 다음과 같이/ 생각하다 / (으)ㄴ 것이 좋다.
- (2) 먼저 / ‘부탁을 받는 사람/ 어떤 상황에 있는가?’/ 생각하다/ (아/어)야 한다.
- (3) 부탁받는 사람/ 너무 바쁘다/ 내가 하는 부탁/ 아무리 / 가볍다/ 부탁이다/(다/라)고 해도/ 거절당하다/ 가능성이 높다.
- (4) 두 번째/ 나/ 부탁/ 왜/ 해야 하다/ (은/는/ㄴ)지/ 잘 설명하다 / 아/어야 한다.
- (5) 마지막으로 부탁하다/ (으)ㄹ 때에는 / 공손하다/ 말하다/ (아/어)야 한다.

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)

**CÂU 4. 내가 자주 사용하는 앱을 설명하세요. (1.5 점)**

- lưu ý : 다음의 내용을 포함하세요.**
- (1) 앱의 이름
  - (2) 그 앱을 어떻게 알게 됐어요?
  - (3) 사용하는 이유
  - (4) 앱의 기능
  - (5) 가장 좋은 점
  - (6) 어떤 사람에게 추천하고 싶어요?

**B. PHẦN NÓI (총 5 점)**

**CÂU 1. 다음 문장을 사용하여 ‘딱지 치기’를 설명하십시오. (1.5 점)**

- (1) 네모로 접은 종이
  - (2) 친구의 딱지 위에 자기 딱지를 던지다
  - (3) 친구의 딱지가 뒤집어지면 그 딱지를 가질 수 있다
  - (4) 옛날 남자아이들/ 교실 바닥
  - (5) 딱지 만드는 방법 / 인터넷을 보고 쉽게 배우다
- 딱지 치기는 \_\_\_\_\_을/를 가지고 하는 놀이래요.  
 \_\_\_\_\_후에 \_\_\_\_\_대요.  
 이 놀이는\_\_\_\_\_ 많이 했대요.  
 \_\_\_\_\_은/는 \_\_\_\_\_ 수 있대요.

**CÂU 2. 다음 상황에 알맞게 부탁해 보십시오 (1 점)**

2. 휴대 전화 요금이 많이 나왔는데 고지서를 봐도 무슨 말인지 모르겠어요. 선배에게 부탁드립니다.

CÂU 3. 다음 상황에 알맞게 거절해 보십시오 (1 점)

3. 가 : 이번 주말에 보고서 과제 좀 도와줄 수 있어요?

나 : \_\_\_\_\_지만, 제가 \_\_\_\_\_같아요.

CÂU 4. 여러분은 어떤 앱을 많이 사용해요? 그 앱은 어떤 앱이에요? (1.5 점)

### ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Tự luận</b>			
<b>A. PHẦN VIẾT</b>		<b>5.0</b>	
<b>Câu 1</b>		<b>1.0</b>	
1	보고서를 작성하느라고 3 일동안 잠을 못 잤어요.	0.5	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp, mỗi lỗi sai trừ 0.1
2	사용하던 물건을 살 수 있단 말이에요?	0.5	
<b>Câu 2</b>		<b>1.0</b>	
1	사과	0.2	Kết thúc câu đúng 이해하고 단어를 적절한 단어를 나열하면 만점. 형용사 동사 모두 허용
2	과일	0.2	
3	일기	0.2	
4	기차	0.2	
5	차표	0.2	
<b>Câu 3</b>		<b>1.5</b>	
1	부탁을 할 때에는 다음과 같이 생각하는 것이 좋다.	0.3	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp, mỗi lỗi sai trừ 0.1
2	먼저 ‘부탁을 받는 사람이 어떤 상황에 있는가?’를 생각해야 한다.	0.3	

3	부탁받는 사람이 너무 <b>바쁘면</b> 내가 하는 부탁이 아무리 <b>가벼운 부탁이라고</b> 해도 거절당할 가능성이 높다.	0.3	조사, 연결어미가 적절하면 만점 밑줄 친 부분을 중심으로 확인
4	두 번째 <b>내가</b> 부탁을 왜 해야 하는지 잘 설명해야 한다.	0.3	
5	마지막으로 부탁할 때에는 <b>공손하게</b> 말해야 한다.	0.3	
<b>Câu 4</b>		<b>1.5</b>	
	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp, cách dùng từ. Mỗi lỗi sai trừ 0.1 điểm.		Đối chiếu rubric 5
<b>B. PHẦN NÓI</b>		<b>5.0</b>	
<b>Câu 1</b>		<b>1.5</b>	
1	딱지치기는 <b>네모로 접은 종이를</b> 가지고 하는 놀이래요. 친구의 딱지 위에 자기 딱지를 <b>던진</b> 후에 친구의 딱지가 뒤집어지면 그 딱지를 가질 수 <b>있대요</b> . 이 놀이는 옛날 남자아이들이 <b>교실에서</b> 많이 했대요. 딱지 만드는 방법은 <b>인터넷을 보고 쉽게 배울수 있대요</b> .	1.5	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp, mỗi lỗi sai trừ 0.1  밑줄 친 부분을 집중적으로 확인할 것.
<b>Câu 2</b>		<b>1.0</b>	
1	선배님, 휴대 전화 요금이 많이 나왔는데 모르는 단어도 <b>많고 해서 그러는데</b> 고지서를 보고 내용을 <b>알려줄 수 있어요?</b>	1.0	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp, mỗi lỗi sai trừ 0.1  밑줄 친 부분을 집중적으로 확인할 것.
<b>Câu 3</b>		<b>1.0</b>	
1	미안하지만, 제가 선약이 있어서 좀 힘들 것 같아요. 미안하지만, 제가 지금 바빠서 못 도와줄 것 같아요.	1.0	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp, mỗi lỗi sai trừ 0.1
<b>Câu 4</b>		<b>1.5</b>	
	Câu văn chưa hoàn chỉnh. Phải làm đúng ngữ pháp, sau đó đọc lại toàn bộ câu và ghi âm		Đối chiếu rubric 4
<b>Điểm tổng</b>		<b>10.0</b>	

**RUBRIC 4 : ĐÁNH GIÁ THI VẤN ĐÁP (NÓI)**

	기준	과제 수행
과제 완성도 (30%)	10	2-3 가지 내용 소개
	20	3 가지 이상의 내용 소개
	30	충분한 내용 (서론, 본론, 결론)
언어 사용 (30%)	10	기본 어휘
	20	주제에 맞는 어휘
	30	확장 어휘
구성력 (20%)	10	단순 문장
	20	복합 문장, 질문이나 문맥에 적절한 표현 사용
유창성 (10%)	5	머뭇거림
	10	머뭇거림 없음
발음, 억양 (10%)	5	발음규칙 조금 안 맞음
	10	발음규칙, 억양까지 적절함

**RUBRIC 5: ĐÁNH GIÁ THI TỰ LUẬN (VIẾT)**

	기준	과제 수행
과제 완성도 (30%)	10	주제에 관련되지만 문장이 단순함
	20	주제에 알맞는 표현 쓰지만 문맥에 조금 어색함
	30	주제에 알맞는 표현 사용하고 글 완성함
언어 사용 (30%)	10	정확하지 않지만 비슷한 어휘 사용
	20	알맞는 단어 사용
	30	확장 어휘 사용
구성력 (20%)	10	정확하지만 문맥성 부족
	20	다양한 표현 사용하고 논리적으로 전개함
내용 (20%)	5	문맥에 맞지만 내용이 단순함
	10	풍부하고 다양한 내용 포함시킴

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

Người duyệt đề



TS. Bùi Thị Mỹ Linh

Giảng viên ra đề



TS. Shin A Young